

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NAM ĐÔNG
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày 16-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM ĐÔNG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Minh Thước.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phong và bà Trần Thị Mỹ Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST-HS, ngày 22 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST-HS, ngày 01 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Lê Thị Thu Th (tên gọi khác: B), sinh năm 1977 tại Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: A/B Kiệt C ADV, phường AC, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Tr (đã chết) và bà Võ Thị G (đã chết); có chồng là Nguyễn Văn Ch (đã chết) và 01 con (sinh năm 2002); tiền án: Không, tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân:

- Ngày 15/3/2005 bị Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 15 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, theo Bản án số: 34/2005/HSST về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Ngày 11/3/2008 bị Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt vi phạm hành chính số tiền: 750.000 đồng theo Quyết định số: 36459 về hành vi “Đánh bạc”.

- Ngày 13/3/2014 bị Công an phường Phường Đúc, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt vi phạm hành chính số tiền: 1.500.000 đồng theo Quyết định số: 4280 về hành vi: “Đánh bạc”.

- Ngày 25/11/2015 bị Công an phường Kim Long, thành phố Huế, tỉnh Thừa

Thiên Huế xử phạt vi phạm hành chính số tiền: 1.500.000 đồng theo Quyết định số: 1208 về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 20/12/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 01 năm cải tạo không giam giữ theo Bản án số: 145/2016/HSPT về tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 04/5/2020 bị Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 12 tháng tù theo Bản án số: 13/2020/HS-ST về tội “Trộm cắp tài sản”, sau đó Lê Thị Thu Th kháng cáo và trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Lê Thị Thu Th lại thực hiện hành phạm tội và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông bắt quả tang ngày 03/8/2020. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số: 127/2020/HS-PT, ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tuyên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 13/2020/HS-ST ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, xử phạt: 12 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2020 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Bị hại:* Ông Trần L, sinh năm: 1948; trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Tr (Tên gọi khác: L), sinh năm: 1967; trú tại: Số A BTX, phường PD, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm: 1977; trú tại: Số A/B LND, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

3. Chị Hồ Thị C, sinh năm: 1972; trú tại: A/B NLT, phường XP, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

4. Anh Lý Trọng H, sinh năm: 1991; trú tại: Tổ A, khu vực B, phường TX, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt không có lý do.

5. Anh Võ Văn S1, sinh năm: 1986; trú tại: Tổ A, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt không có lý do.

6. Anh Trần Văn D, sinh năm: 1978; trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

7. Chị Lại Thị Th1, sinh năm: 1975; trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 02/6/2020, Lê Thị Thu Th tình cờ quen ông Trần L, sinh năm: 1948, trú tại: Tổ dân phố A, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế khi ông Trần L từ Nam Đông về thành phố Huế chơi và thăm người thân. Trong thời gian

quen biết nhau, giữa Lê Thị Thu Th và ông Trần L có liên lạc với nhau qua điện thoại di động. Vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 04/6/2020, Lê Thị Thu Th thuê xe Taxi từ thành phố Huế lên huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế; khi đến thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, Lê Thị Thu Th điện thoại cho ông Trần L đến đón; sau đó, ông Trần L chở Lê Thị Thu Th về nhà của mình và nói với Th: “Lên mà con tôi có qua hỏi thì nói chị ở đường Chi Lăng, dưới nội lên thăm”, khi nghe ông L nói vậy, Th biết ông L sợ con và mọi người biết việc ông có quan hệ nam nữ, dẫn bạn gái về nhà. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, ông L chở Th đến cửa hàng xăng dầu Nam Đông (thuộc thị trấn Khe Tre) để Th đi Taxi về thành phố Huế và ông L có đưa cho Th 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để trả tiền Taxi. Sau đó, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên vào ngày 31/7/2020, Th điện thoại cho ông L, yêu cầu ông L đưa cho Th số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nhưng ông L không đồng ý và nói không có tiền. Nghe ông L nói vậy, Th đã dùng lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần ông L với nội dung: “Anh đưa 20.000.000 đồng để tôi trả nợ, nếu anh không đưa thì tôi lại lên nhà anh, tôi uống nậm thuốc tôi chết hoặc tôi dùng dao tôi đâm tôi chết tại nhà anh, rồi anh đưa xác tôi về nhà tôi”. Nghe Th đe dọa như vậy, ông L lo sợ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự bản thân và gia đình nên hẹn Th vào ngày 03/8/2020 sẽ đưa Th số tiền 20.000.000 đồng. Đến sáng ngày 03/8/2020, Th thuê xe mô tô grab của anh Lý Trọng H, sinh năm: 1991, trú tại: Tổ A, khu vực B, phường TX, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; chở Th từ thành phố Huế lên thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế với giá 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng). Sau đó, Th đến ngồi tại quán Cà phê 68, thuộc Tổ dân phố 2, thị trấn Khe Tre và gọi điện thoại cho ông L đến để lấy tiền. Đến khoảng 09 giờ 25 phút cùng ngày tại quán Cà phê 68, trong lúc Th đang nhận số tiền: 20.000.000 đồng từ ông Trần L thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông bắt quả tang.

Ngoài ra, Th còn khai nhận, vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 07/6/2020, do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên điện thoại yêu cầu ông L đưa số tiền: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), để Th làm sợi dây chuyền vàng, nhưng ông L không đồng ý, nên Th đã có lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần đối với ông L: “Anh không đưa tôi tiền thì tôi kể cho con anh nghe giữa tôi và anh có quan hệ tình cảm với nhau”. Nghe Th đe dọa như vậy, ông L lo sợ ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của bản thân nên đã đồng ý đưa tiền như yêu cầu của Th. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Th đi cùng với chị Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm: 1977, trú tại: A/B LND, phường AH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; từ thành phố Huế lên huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế để lấy số tiền 5.000.000 đồng từ ông L. Khi đến thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, Th gọi điện thoại cho ông L để lấy tiền, ông L đến và đưa Th số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng Th chê ít và không chịu lấy số tiền này; thấy Th không nhận tiền, ông L phải đi mượn thêm số tiền: 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) của chị Lại Thị Th1, sinh năm: 1975, trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn KT, huyện ND, tỉnh Thừa Thiên Huế và đưa Th tổng số tiền là: 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

* Vật chứng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông thu giữ, gồm: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu

đồng) và 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, có Model: TA-1114, số Imei1: 352882108980330, số Imei2: 352894100060334 của Lê Thị Thu Th.

Ngày 21/8/2020 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã ra quyết định xử lý đồ vật, tài liệu số 02/QĐXLĐVTL trả lại số tiền: 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần L.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần L không yêu cầu bị cáo Lê Thị Thu Th bồi thường về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS-NĐ ngày 21/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông truy tố bị cáo Lê Thị Thu Th về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Sau khi phân tích về tính chất của vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định đã truy tố đối với bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i Điều 52; Điều 38, 56 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố bị cáo phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Lê Thị Thu Th từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Tổng hợp hình phạt Bản án số: 127/2020/HS-PT ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

+ Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại ông Trần L đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về xử lý vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã trả lại số tiền 20.000.000 đồng cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần L đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, có Model: TA-1114, số Imei1: 352882108980330, số Imei2: 352894100060334 của Lê Thị Thu Th, đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Về án phí: Bị cáo Lê Thị Thu Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố theo như bản Cáo trạng. Việc bị hại ông Trần L khai bị cáo cưỡng đoạt thêm 04 (Bốn) lần với tổng số tiền: 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng) là không đúng và không có cơ sở. Ngoài ra, bị cáo không tranh luận, bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ thể hiện thái độ thành khẩn khai báo và bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại ông Trần L cung cấp lời khai như trong giai đoạn điều tra, truy tố không yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự. Ngoài ra, bị hại còn có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Nam Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 07/6/2020 và ngày 03/8/2020 tại thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế bị cáo Lê Thị Thu Th đã 02 lần có hành vi dùng lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần ông Trần L nhằm chiếm đoạt số tiền 24.500.000 đồng (Hai mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng) để tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, tinh thần của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế và lời buộc tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản, tinh thần của bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe và nhận thức đầy đủ về xã hội, ý thức được việc cưỡng đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân mà không cần phải lao động, bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội, gây bức xúc, lo lắng trong nhân dân.

[4] Về nhân thân: Bị cáo mặc dù không có tiền án, tiền sự nhưng Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử về hành vi xâm phạm quyền sở hữu, bị xử lý vi phạm hành chính; các cơ quan bảo vệ pháp luật và Tòa án khi xử lý đã xem xét, chiếu cố, thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với bị cáo, nhưng bị cáo đã không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân lại tiếp tục cố ý phạm tội. Trong thời gian chờ xét xử phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đối với bản án hình sự sơ thẩm số

13/2020/HS-ST, ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 03/8/2020 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông bắt quả tang, điều đó thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã phạm tội 02 lần trở lên và phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình; bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội, cho bị cáo có thời gian sửa chữa sai lầm, cải tạo thành công dân tốt có ích cho xã hội. Ngoài ra, tại bản án hình sự phúc thẩm số 127/2020/HS-PT ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã tuyên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2020/HS-ST ngày 04/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Vang, xử phạt: 12 tháng tù, về tội: “Trộm cắp tài sản”. Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt chung, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của 02 (hai) bản án.

[8] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[9] Đối với bị hại ông Trần L khai: Bị cáo Lê Thị Thu Th cưỡng đoạt thêm 04 (Bốn) lần với tổng số tiền: 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận, ông L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ và Cơ quan điều tra không chứng minh được hành vi cưỡng đoạt tài sản nêu trên. Do đó, không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự của hành vi 04 lần cưỡng đoạt với số tiền 17.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với chị Nguyễn Thị Tuyết S: Chị S tuy biết giữa bị cáo Th và ông L có quen biết nhau, nhưng không biết việc bị cáo Th nhờ chở từ thành phố Huế lên huyện Nam Đông để cưỡng đoạt tài sản của ông Trần L nên Hội đồng xét xử không xử lý.

[11] Đối với anh Lý Trọng H, quá trình điều tra xác định: Anh H làm nghề tài xế mô tô grab không quen biết bị cáo, không biết việc bị cáo Th thuê chở từ thành phố Huế lên huyện Nam Đông để cưỡng đoạt tài sản của ông Trần L nên Hội đồng xét xử không xử lý.

[12] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không nghề nghiệp, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[13] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Trần L đã nhận lại tài sản và tại phiên tòa ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[14] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 20.000.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đông đã trả lại cho ông Trần L và tại phiên tòa ông L không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với 01 điện thoại di động Nokia, màu đen, có Model: TA-1114, số Imei1: 352882108980330, số Imei2: 352894100060334 của bị cáo Lê Thị Thu Th, đây là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nhưng đã bị hư hỏng không hoạt động được, không có giá trị nên áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Thu Th phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê thị Thu Th 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt của Bản án số: 127/2020/HS-PT ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt bị cáo 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 (Hai) bản án là 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 03 tháng 8 năm 2020.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có Model: TA-1114, số Imei1: 352882108980330, số Imei2: 352894100060334 của bị cáo Lê Thị Thu Th.

(Tình trạng vật chứng có đặc điểm như biên bản giao, nhận giữa Công an huyện Nam Đông và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Đông lập ngày 08/3/2021).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị Thu Th phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Nam Đông;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Nam Đông;
- CQ THAHS Công an huyện Nam Đông;
- Chi cục THADS huyện Nam Đông;
- Bị cáo Lê Thị Thu Th;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hồ Minh Thước